

**SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI**  
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 62 /KQ-KSBT**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM****Mã số mẫu: 00062.26****Trang : 1/2**

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KCN IDICO  
Địa chỉ : Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, Đồng Nai  
Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**  
Lượng mẫu : 1000+200ml  
Ngày nhận mẫu : 08/01/2026  
Ngày trả kết quả : 19/01/2026  
Địa điểm lấy mẫu : Cụm 1 - Nhà máy nước ngầm Tuy Hạ  
Người lấy mẫu : Bùi Thị Thúy  
Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín.

**KHOA XÉT NGHIỆM****P. TRƯỞNG KHOA**  
**Đào Mạnh Đạt**Đồng Nai, ngày 19 tháng 01 năm 2026**Nguyễn Xuân Quang**

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Mã số mẫu: 00062.26

Trang : 2/2

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

| Stt | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp                       | Kết quả         | Tiêu chuẩn       | Ngày xét nghiệm |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------|------------------|-----------------|
| 1   | <i>Escherichia coli</i> *                                           | TCVN 6187-1: 2019                 | 0/100ml         | < 1CFU/100ml     | 08/01/2026      |
| 2   | <i>Coliform tổng số</i> *                                           | TCVN 6187-1: 2009 (PP. màng lọc ) | 0/100ml         | < 1CFU/100ml     | 08/01/2026      |
| 3   | Clo dư tự do                                                        | Chlorine test                     | 0,55 mg/l       | 0,2 - 1,0 (mg/l) | 08/01/2026      |
| 4   | Độ đục                                                              | Turbidity AL450T-IR               | 0,56 NTU        | ≤ 2 NTU          | 08/01/2026      |
| 5   | Màu sắc                                                             | TCVN 6185:2015                    | Không phát hiện | ≤ 15 TCU         | 09/01/2026      |
| 6   | Mùi                                                                 | Cảm quan                          | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ  | 08/01/2026      |
| 7   | pH*                                                                 | TCVN 6492:2011                    | 6,77            | 6,0 - 8,5        | 08/01/2026      |
| 8   | Arsenic (As)**                                                      | SMEWW 3125 B: 2023                | Không phát hiện | ≤ 0,01mg/l       |                 |
| 9   | Chỉ số Pecmanganat                                                  | TCVN 6186:1996                    | 0,32 mg/l       | ≤ 2mg/l          | 09/01/2026      |
| 10  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> Tính theo N) | TCVN 6179:1996                    | 0,01 mg/l       | ≤ 1 mg/l         | 09/01/2026      |

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT.**Ghi chú:** - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (\*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

- (\*\*): Chỉ tiêu xét nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ (nếu có).

**SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 63 /KQ-KSBT**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM****Mã số mẫu: 00063.26****Trang: 1/2**

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KCN IDICO  
Địa chỉ : Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, Đồng Nai  
Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**  
Lượng mẫu : 1000+200ml  
Ngày nhận mẫu : 08/01/2026  
Ngày trả kết quả : 19/01/2026  
Địa điểm lấy mẫu : Cụm 2 - Nhà máy nước ngầm Tuy Hạ  
Người lấy mẫu : Bùi Thị Thúy  
Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín.

**KHOA XÉT NGHIỆM****f. TRƯỞNG KHOA***Đào Mạnh Đạt*Đồng Nai, ngày 19 tháng 01 năm 2026**TUQ GIÁM ĐỐC  
TP. KHNV***Nguyễn Xuân Quang*



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

|                     |             |
|---------------------|-------------|
| Mã số mẫu: 00063.26 | Trang : 2/2 |
|---------------------|-------------|

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

| Stt | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp                       | Kết quả         | Tiêu chuẩn       | Ngày xét nghiệm |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------|------------------|-----------------|
| 1   | Escherichia coli*                                                   | TCVN 6187-1: 2019                 | 0/100ml         | < 1CFU/100ml     | 08/01/2026      |
| 2   | Coliform tổng số*                                                   | TCVN 6187-1: 2009 (PP. màng lọc ) | 0/100ml         | < 1CFU/100ml     | 08/01/2026      |
| 3   | Clo dư tự do                                                        | Chlorine test                     | 0,74 mg/l       | 0,2 - 1,0 (mg/l) | 08/01/2026      |
| 4   | Độ đục                                                              | Turbidity AL450T-IR               | 0,37 NTU        | ≤ 2 NTU          | 08/01/2026      |
| 5   | Màu sắc                                                             | TCVN 6185:2015                    | Không phát hiện | ≤ 15 TCU         | 09/01/2026      |
| 6   | Mùi                                                                 | Cảm quan                          | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ  | 08/01/2026      |
| 7   | pH*                                                                 | TCVN 6492:2011                    | 6,96            | 6,0 - 8,5        | 08/01/2026      |
| 8   | Arsenic (As)**                                                      | SMEWW 3125 B: 2023                | Không phát hiện | ≤ 0,01mg/l       |                 |
| 9   | Chỉ số Pecmanganat                                                  | TCVN 6186:1996                    | 0,32 mg/l       | ≤ 2mg/l          | 09/01/2026      |
| 10  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> Tính theo N) | TCVN 6179:1996                    | 0,02 mg/l       | ≤ 1 mg/l         | 09/01/2026      |

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT.

- Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
  - (\*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.
  - (\*\*): Chỉ tiêu xét nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ (nếu có).

**SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 69 /KQ-KSBT**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM****Mã số mẫu: 00064.26****Trang: 1/2**

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KCN  
IDICO  
Địa chỉ : Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, Đồng  
Nai  
Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**  
Lượng mẫu : 1000+200ml  
Ngày nhận mẫu : 08/01/2026  
Ngày trả kết quả : 19/01/2026  
Địa điểm lấy mẫu : Cụm 3 - Nhà máy nước ngầm Tuy Hạ  
Người lấy mẫu : Bùi Thị Thúy  
Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín.

**KHOA XÉT NGHIỆM  
P. TRƯỞNG KHOA***Đào Mạnh Đạt*Đồng Nai, ngày 19 tháng 01 năm 2026*Nguyễn Xuân Quang*



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

|                     |             |
|---------------------|-------------|
| Mã số mẫu: 00064.26 | Trang : 2/2 |
|---------------------|-------------|

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

| Stt | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp                       | Kết quả         | Tiêu chuẩn       | Ngày xét nghiệm |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------|------------------|-----------------|
| 1   | Escherichia coli*                                                   | TCVN 6187-1: 2019                 | 0/100ml         | < 1CFU/100ml     | 08/01/2026      |
| 2   | Coliform tổng số*                                                   | TCVN 6187-1: 2009 (PP. màng lọc ) | 0/100ml         | < 1CFU/100ml     | 08/01/2026      |
| 3   | Clo dư tự do                                                        | Chlorine test                     | 0,37 mg/l       | 0,2 - 1,0 (mg/l) | 08/01/2026      |
| 4   | Độ đục                                                              | Turbidity AL450T-IR               | 0,63 NTU        | ≤ 2 NTU          | 08/01/2026      |
| 5   | Màu sắc                                                             | TCVN 6185:2015                    | Không phát hiện | ≤ 15 TCU         | 09/01/2026      |
| 6   | Mùi                                                                 | Cảm quan                          | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ  | 08/01/2026      |
| 7   | pH*                                                                 | TCVN 6492:2011                    | 7,16            | 6,0 - 8,5        | 08/01/2026      |
| 8   | Arsenic (As)**                                                      | SMEWW 3125 B: 2023                | Không phát hiện | ≤ 0,01mg/l       |                 |
| 9   | Chỉ số Pecmanganat                                                  | TCVN 6186:1996                    | 0,48 mg/l       | ≤ 2mg/l          | 09/01/2026      |
| 10  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> Tính theo N) | TCVN 6179:1996                    | 0,01 mg/l       | ≤ 1 mg/l         | 09/01/2026      |

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT.

- Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
  - (\*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.
  - (\*\*): Chỉ tiêu xét nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ (nếu có).